

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **246/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm N dân: Ông Trương Văn Hăng, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 266/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1992; đăng ký thường trú: Tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Chợ N, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Lâm Văn V, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ X, ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt, ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lâm Văn V do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 18 tháng 7 năm 2011. Trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông V có 03 con chung, gồm:

Lâm Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 09/3/2012; Lâm Thị Thảo T2, sinh ngày 07/01/2014; Lâm Nguyễn An N1, sinh ngày 08/5/2019. Hiện nay, cháu N1 đang sống với bà N, hai cháu T1 và T2 đang sống với ông V. Về tài sản chung, nợ chung cả hai đều không yêu cầu giải quyết.

Theo bà Nguyễn Thị Mỹ N, sau khi kết hôn bà N sống cùng gia đình nhà chồng tại ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường cãi vã. Khoảng tháng 5 năm 2021 bà N và ông V ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông V. Bà N đồng ý để ông V nuôi dạy cháu T1 và cháu T2, bà có nguyện vọng nuôi cháu N1, không yêu cầu ông V cấp dưỡng.

Theo ông Lâm Văn V, ông V thống nhất trình bày của bà N về mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung và tài sản chung. Ông V đồng ý ly hôn với bà N, có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về chứng cứ: Các đương sự giao nộp Giấy chứng nhận kết hôn; Trích lục khai sinh các cháu Lâm Nguyễn Hoàng Thanh T1, Lâm Thị Thảo T2, Lâm Nguyễn An N1.

Tòa án ghi lời khai con chưa thành niên. Theo các biên bản ghi nhận ý kiến cùng ngày 23/5/2023, cháu Lâm Nguyễn Hoàng Thanh T1 và Lâm Thị Thảo T2 đều có nguyện vọng sống với ông V sau khi ông V và bà N ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của bà N (BL 18 – 19); Biên bản hòa giải ngày 23/5/2023 (BL 27 – 28); Biên bản ghi nhận ý kiến cháu T1, cháu T2 (BL 32 – 33) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Ông V đồng ý ly hôn với bà N, yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà N, ông V và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bà N và ông V thống nhất ly hôn, nên đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp ý kiến của cháu T1 và cháu T2, giao cháu T1 và cháu T2 cho ông V trực tiếp nuôi dạy. Riêng

cháu N1 còn nhỏ, hiện sống với bà N, nên giao cháu N1 cho bà N trực tiếp nuôi dạy, các bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện xin ly hôn với ông Lâm Văn V, đồng ý để ông V được trực tiếp nuôi 02 con, bà nuôi 01 con sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Lâm Văn V cư trú tại ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà N vắng mặt và có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà N, ông V, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà N và ông V là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã. Bà N và ông V đã ly thân từ năm 2021. Trong quá trình Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng bà N và ông V đều có nguyện vọng ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lâm Văn V là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông V có 03 (ba) con chung, Lâm Nguyễn Hoàng Thanh T1, Lâm Thị Thảo T2, Lâm Nguyễn An N1. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông V có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Khi ghi nhận ý kiến con chưa thành niên thì cháu T1 và cháu T2 đều có nguyện vọng sống với ông V. Xét các cháu T1, T2 đang được ông V nuôi dạy tốt, các cháu hiện đang học gần nhà, nên giao cháu T1, cháu T2 cho ông V trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn sẽ ổn định tâm lý, điều kiện học tập của các cháu. Đối với cháu N1 còn nhỏ, hiện do bà N nuôi dạy; điều kiện thu nhập của bà N cũng đảm bảo, nên giao cháu N1 cho bà N trực tiếp nuôi dạy sẽ ổn định tâm lý, sự phát triển bình thường của cháu.

Công nhận sự tự nguyện của bà N, ông V về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lâm Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 18 tháng 7 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cấp ông Lâm Văn V và bà Nguyễn Thị Mỹ N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Ông Lâm Văn V được tiếp tục nuôi dạy 02 (hai) con chung: Lâm Nguyễn Hoàng Thanh T1, sinh ngày 09/3/2012 và Lâm Thị Thảo T2, sinh ngày 07/01/2014.

Bà Nguyễn Thị Mỹ N được tiếp tục nuôi dạy 01 (một) con chung Lâm Nguyễn An N1, sinh ngày 08/5/2019.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lâm Văn V cùng các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của nhau. Đồng thời phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0008274 ngày 28/4/2023. (Bà N đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt ông Lâm Văn V. Thời hạn kháng cáo của ông V là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Sông Lũy, H Bắc Bình,
Tỉnh Bình Thuận (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu